

DANH MỤC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LONG ĐIỀN

(Kèm theo Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2009 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A) NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC ĐÔ THỊ

ĐVT: 1.000 đồng/m².

Stt	Tên đường	Loại đường	Hệ số	Đơn giá đất ở vị trí 1 (sau khi đã có hệ số)
A	Thị trấn Long Điền			
1	Bùi Công Minh (từ ngã 4 Ngân Hàng đến Miếu Cây Quéo)	1		3,360
2	Mạc Thanh Đạm (từ đường bao Công Viên đến Ngã 5 Long Điền)	1		3,360
	Võ Thị Sáu			
3	- Từ Miếu ông Hồ đến Ngã 3 Bàu ông Dân	1		3,360
	- Từ ngã 3 Bàu ông Dân đến Cây xăng Bàu Thành	2		2,025
4	Trần Xuân Độ (đường Bắc – Nam giai đoạn 1)	1		3,360
5	Nguyễn Văn Trỗi (đường Bắc - Nam giai đoạn 2)	1		3,360
	Viên quanh chợ mới Long Điền			
6	- Từ đường Mạc Thanh Đạm đến đường quy hoạch số 9	1		3,360
	- Từ cổng sau chợ mới Long Điền đến đường quy hoạch số 9	1		3,360
	- Từ đường Dương Bạch Mai đến hết dãy phố Chợ Mới	1		3,360
7	Dương Bạch Mai (từ ngã 5 Long Điền đến Cây xăng Bàu Thành)	2		2,025
8	Ngô Gia Tự (từ ngã 3 Bàu ông Dân đến Nguyễn Văn Trỗi)	3		1,200
9	Hương lộ 10 (từ ngã 5 Long Điền đến Trại huấn luyện chó Long Toàn)	3	1.25	1,500
10	Cao Văn Ngọc (từ đường Bùi Công Minh đến Phạm Hồng Thái)	3		1,200
11	Đường Trường Trung học Cơ sở Văn Lương	3		1,200
12	Đường từ ngã năm Long Điền đến Cầu bà Sún	3		1,200
13	Nguyễn Thị Đẹp: đường Nhà thờ Long Điền	3		1,200
14	Phạm Hồng Thái (bên hông Ủy ban nhân dân huyện đến đường Nguyễn Văn Trỗi)	3		1,200
15	Phạm Hữu Chí	3		1,200
16	Phan Đăng Lưu	3		1,200
17	Quốc lộ 55 (từ vòng xoay Vũng Vằn đến giáp ranh xã An Ngãi)	3		1,200
18	Quy hoạch số 2 (từ đoạn tiếp nối đường Võ Thị Sáu đến đường Mạc Thanh Đạm)	3		1,200

19	Quy hoạch số 7 (từ đường Trần Xuân Độ đến đường Mạc Thanh Đạm)	3		1,200
20	Quy hoạch số 8 (từ đoạn tiếp nối đường Võ Thị Sáu đến Mạc Thanh Đạm)	3		1,200
21	Quy hoạch số 9 (từ đường quy hoạch số 7 đến đường Dương Bạch Mai)	3		1,200
22	Tỉnh lộ 44A (từ Vòng xoay Vũng Vằn đến giáp ranh xã An Ngãi)	2		2,025
23	Tỉnh lộ 44B (từ Ngã 3 bàu ông Dân đến giáp ranh xã An Ngãi)	3		1,200
24	Trần Hưng Đạo	3		1,200
25	Đường quy hoạch số 11 (từ đường Mạc Thanh Đạm đến đường quy hoạch số 14)	3		1,200
26	Đường quy hoạch số 12 (từ đường Mạc Thanh Đạm đến đường quy hoạch số 14)	3		1,200
27	Đường quy hoạch số 13 (từ đường Mạc Thanh Đạm đến đường quy hoạch số 14)	3		1,200
28	Hồ Tí Tân	3		1,200
29	Đường nội bộ khu tái định cư Bắc Nam (đoạn tiếp giáp đường Trần Xuân Độ đến đường quy hoạch số 8 (bắt đầu từ lô B35 đến hết lô B1))	3	0.5	600
30	Các tuyến đường nội bộ khu tái định cư số 2 (Miếu Cây Quéo)	3	0.5	600
B	Thị trấn Long Hải			
1	Đường trung tâm thị trấn Long Hải (từ Ngã 3 Lò Vôi đến Giáp ranh thị trấn Phước Hải)	1		3,360
2	Đường viền quanh chợ mới Long Hải	1		3,360
3	Đoạn ngã 3 Long Hải đến Dinh Cỏ	1		3,360
4	Đường quy hoạch số 2			
	- Đoạn từ đường thị trấn Long Hải đến đường Tỉnh lộ 44A (giai đoạn 2)	2		2,025
	- Đoạn từ đường Tỉnh lộ 44A (giai đoạn 2) đến cuối tuyến quy hoạch số 2	3		1,200
5	Đường quy hoạch số 4			
	- Đoạn từ đường thị trấn Long Hải đến đường Tỉnh lộ 44A (giai đoạn 2)	2		2,025
	- Đoạn từ đường Tỉnh lộ 44A (giai đoạn 2) đến cuối tuyến quy hoạch số 4	3		1,200
6	Đường quy hoạch số 3			
	- Đoạn nằm giữa đường trung tâm thị trấn và Đường Tỉnh lộ 44A (giai đoạn 2)	2		2,025
	- Đoạn từ đường Tỉnh lộ 44A giai đoạn 2 đến cuối tuyến về hướng núi	3		1,200
7	Đường Tỉnh lộ 44A (giai đoạn 2) (từ giáp ranh xã Phước Hưng đến giáp ranh thị trấn Phước Hải (huyện Đất Đỏ))	2		2,025
8	Đường nội bộ khu tái định cư số 1	3	0.5	600

B) NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN

Stt	Tên đường	Khu vực	Vị trí	Hệ số	Đơn giá đất ở vị trí 1 (sau khi đã có hệ số)
1	Tỉnh lộ 44B				
	- Đoạn từ ngã 3 Bà ông Dân đến Cống Bà Sáu	1	3		960
	- Đoạn từ cống Bà Sáu đến giáp xã Long Mỹ	1	4		768
2	Bùi Công Minh (từ ngã 3 Chợ Bến (địa phận xã An Ngãi) đến Giáp ranh thị trấn Long Điền)	1	1		1,500
3	Quốc lộ 55 (từ giáp ranh thị trấn Long Điền đến Cầu Đất Đỏ)	1	3		960
4	Phan Đăng Lưu (qua xã An Ngãi) (từ đường Võ Thị Sáu đến Ngã 3 cây Trường giáp đường Bùi Công Minh)	1	4		768
5	Hương lộ 14 (từ Ủy ban nhân dân xã Tam Phước đến Chợ Bến - An Ngãi)	2	1		614
6	Đường Ngã ba Lò Vôi (từ giáp ranh TT.Long Hải đến Cầu Tráng thuộc xã Phước Hưng)	1	1	1.5	2,250
7	Tỉnh lộ 44A				
	- Đoạn thuộc xã Phước Hưng	1	1	1.5	2,250
	- Đoạn thuộc xã An Ngãi	1	1		1,500
8	Đường Võ Thị Sáu (từ Ngã 3 Bà ông Dân đến Cây xăng Đồng Nam)	1	2		1,200
9	Đường từ Quốc lộ 55 mới đến Trường bán trú Cao Văn Ngọc	2	2		492
10	Đường từ Ngã tư xã Tam Phước đến giáp Quốc lộ 55 (qua Trung tâm Y tế huyện Long Điền)	2	1		614
11	Đường từ ngã 3 Lò Vôi đến cảng Phước Tỉnh (khu vực Phước Hưng - Phước Tỉnh)	1	1		1,500
12	Đường từ Vòng xoay Phước Tỉnh đến cầu Cửa Lấp	1	1		1,500
13	Đường liên xã Phước Hưng - Phước Tỉnh	1	3		960
14	Đoạn từ cây xăng Bà Thành đến cống Bà Sáu	1	4		768
15	Đường Tỉnh lộ 44A – giai đoạn 2 (đoạn thuộc xã Phước Hưng)	1	1		1,500

Ghi chú:

Đơn giá đất ở vị trí 1 (50m đầu) có áp dụng hệ số thì tiếp tục áp dụng hệ số đối với các vị trí còn lại.

Riêng đất ở khu vực nông thôn sau vị trí 2 khu vực 3 bằng giá ở tại nông thôn thuộc điều 6 qui định ban hành kèm theo quyết định bảng giá các loại đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành là: 202.000đồng/m².

DinhGia.Com.Vn